

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình hành động của ngành tài nguyên và môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của ngành tài nguyên và môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KHTC(md).

h h



BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Chương trình hành động với những nội dung sau:

I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2020, sự bùng phát của đại dịch Covid-19 đã tác động toàn diện, sâu rộng đến mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội của tất cả các quốc gia. Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm dần và rơi vào suy thoái nghiêm trọng nhất kể từ sau Đại khủng hoảng 1929 - 1933. Nền kinh tế đất nước với độ mở lớn, hội nhập quốc tế sâu rộng chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực. Thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, bão, lũ, sạt lở đất... xảy ra phức tạp, bất thường đã gây thiệt hại nặng nề đến sản xuất và đời sống của người dân tại nhiều địa phương. Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quốc hội, chỉ đạo điều hành sâu sát của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự phối hợp của các Bộ, ngành, đặc biệt là nỗ lực, quyết tâm vào cuộc của các địa phương, toàn ngành đã phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, giải quyết một cách bài bản, khoa học với tinh thần trách nhiệm cao để từng bước chuyển hóa thách thức thành cơ hội, tích cực tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục tác động tiêu cực của dịch bệnh covid; tập trung tháo gỡ các rào cản, giải phóng nguồn lực tài nguyên cho phát triển kinh tế - xã hội; tạo sự chuyển biến rõ nét, thực chất trên các lĩnh vực. Chủ động chuẩn bị và tham mưu để Đảng và Nhà nước ban hành những chủ trương, chính sách lớn mang tầm chiến lược dài hạn cho giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV, là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025 và Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021 - 2030. Bên cạnh những thuận lợi, thế và lực của ta đã lớn mạnh; kinh tế vĩ mô ổn định, đời sống của Nhân dân không ngừng được nâng lên; tình hình chính trị - xã hội ổn định, cùng với những nền tảng, sức bật từ những thành tựu đổi mới của toàn ngành trong những năm qua, chúng ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Tác động, ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng. Công nghiệp hóa, đô thị hóa là xu thế tất yếu dẫn đến sự chuyển dịch về đất đai, gia tăng sử dụng tài nguyên nước, tài nguyên biển,... đòi hỏi phải có đồng bộ các chính sách, chiến lược, quy hoạch. Áp lực lên môi trường sinh thái chưa giảm trong thời gian ngắn; biến đổi khí hậu, thiên tai diễn biến nhanh; các tác động dài hạn đã được dự báo, nhận diện, tuy nhiên những tác động ngắn hạn là khó lường, khó dự báo. Tình trạng thiếu nước, hạn hán, thiên tai sẽ còn tiếp diễn nghiêm trọng, tác động tiêu cực đến phát triển. Trong bối cảnh đó, toàn ngành sẽ tiếp tục đổi mới tư duy phát triển, hành động quyết liệt hơn, hiệu quả hơn, vượt qua khó khăn, biến thách thức thành cơ hội, tận dụng tốt các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu hướng dịch chuyển đầu tư, chuyển dịch mô hình phát triển, chuyển đổi số, sự thay đổi phương thức sản xuất, tiêu dùng và giao tiếp trên toàn cầu... để phát huy hiệu quả quản lý, sử dụng các tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu cho phát triển đất nước trong năm 2021, tạo nền tảng vững chắc cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển đất nước trong 5 năm, 10 năm tới và hiện thực hoá khát vọng phát triển về tầm nhìn đến năm 2045 đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2021

Bộ Tài nguyên và Môi trường yêu cầu các đơn vị trực thuộc Bộ, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nâng cao tinh thần trách nhiệm, tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Mục tiêu chung

1.1. Về quản lý tài nguyên

- Tiếp tục điều tra, đánh giá tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng. Bảo đảm 75% diện tích đất liền được lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000; 25% diện tích vùng biển và hải đảo được bay đo từ trọng lực tỷ lệ 1:250.000; điều tra, đánh giá lập bản đồ tài nguyên nước tỷ lệ 1/100.000.

- Quản lý và khai thác bền vững, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên quốc gia. Bảo đảm 80% hồ chứa thủy điện lớn được kiểm soát, giám sát duy trì dòng chảy tối thiểu hạ du hồ chứa; các lưu vực sông lớn, quan trọng có hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến.

- Nguồn thu từ tài nguyên, môi trường chiếm 20% nguồn thu ngân sách nội địa hàng năm (trong đó nguồn thu từ đất đạt khoảng 11-12%). Hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên tiếp tục được nâng cao so với giai đoạn 2016-2020.

1.2. Về bảo vệ môi trường

- Phân đầu 87% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị được thu gom và xử lý; Tỷ lệ được sử dụng nước hợp vệ sinh đến năm cuối kỳ của dân cư nông thôn đạt 90%.

- Hoàn thành 85% việc xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường tại các khu vực bị ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu và các kho lưu giữ hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi toàn quốc.

- Tối thiểu 01 khu đất ngập nước Ramsar được thành lập và công nhận; tối thiểu 01 khu bảo tồn được công nhận là Vườn di sản ASEAN; từ 01 đến 02 khu dự trữ sinh quyển được công nhận; gia tăng diện tích các khu đất ngập nước quan trọng được bảo vệ; xây dựng Chương trình tổng thể về bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, trình phê duyệt trong năm 2022.

1.3. Về ứng phó với biến đổi khí hậu:

Bảo đảm 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, ban hành và thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Có lộ trình thực hiện những đóng góp do Việt Nam cam kết đảm bảo đến năm 2030 sẽ giảm ít nhất 9% tổng lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường.

2. Nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Xây dựng đồng bộ các chủ trương, chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch để quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn tài nguyên cho phát triển, giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Tổng kết đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị về tài nguyên và môi trường; trong năm 2021 thực hiện Tổng kết Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và Luật khoáng sản.

Tổng kết, sơ kết đánh giá tình hình thi hành chính sách pháp luật về đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, quản lý tổng hợp biển và hải đảo, đa dạng sinh học để sửa đổi, bổ sung phù hợp với yêu cầu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thể chế kinh tế thị trường, thiết lập hành lang pháp lý đồng bộ cho quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bình đẳng, công khai, minh bạch trong

tiếp cận các nguồn tài nguyên, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, loại bỏ các rào cản trong tiếp cận các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên cho phát triển đất nước trong phát triển trước mắt và lâu dài.

Trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền văn bản quy định chi tiết Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 để có hiệu lực đồng thời với Luật. Thiết lập hàng rào kỹ thuật quy chuẩn, tiêu chuẩn tiệm cận các nước tiên tiến trong khu vực, chủ động phòng ngừa các nguy cơ ô nhiễm trong tiến trình hội nhập; xây dựng các giải pháp chiến lược để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp với điều kiện của từng vùng.

Tập trung xây dựng các Quy hoạch quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia đồng bộ, phân bổ hợp lý, phát huy các nguồn lực tài nguyên trong tầm nhìn dài hạn, đảm bảo không gian sinh tồn, sinh thái và không gian phát triển, tăng đóng góp cho tăng trưởng kinh tế; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Xây dựng chiến lược phát triển các lĩnh vực tài nguyên môi trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để đảm bảo sự chủ động của Việt Nam trong giải quyết các thách thức.

2.2. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện ngành; xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng số, dữ liệu số, thông tin phục vụ quản lý, điều hành thông minh trên nền tảng thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025; xây dựng Chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chiến lược tổng thể tài nguyên số về tài nguyên và môi trường đến năm 2030, thực hiện Chương trình Chuyển đổi số trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Tập trung xây dựng đưa vào vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và lĩnh vực về tài nguyên và môi trường gồm cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia; cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và các dữ liệu lớn như quan trắc tài nguyên và môi trường, khí tượng thủy văn, viễn thám, tài nguyên nước, biển và đại dương; Trung tâm dữ liệu và cơ sở dữ liệu liên ngành vùng ĐBSCL kết nối với tiểu vùng Mê Công... kết nối liên thông cung cấp dữ liệu số phục vụ quản lý, phát triển Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số để cơ bản chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường vào năm 2025.

Từng bước thực hiện chuyển đổi số trong tất cả các lĩnh vực của ngành tài nguyên môi trường nhằm tăng hiệu quả hoạt động, năng suất lao động, đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, sử dụng văn bản, giấy tờ, chứng từ điện tử, chứng thực chữ ký số trong công tác hành chính; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong các hệ thống thông tin, các dịch vụ, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin.

Thực hiện quản lý, chỉ đạo điều hành, tác nghiệp trên môi trường mạng

dựa trên năng lực phân tích, xử lý dữ liệu lớn minh bạch, hiệu lực, thông minh và hiệu quả. Mở rộng, tăng dày mạng lưới trạm định vị vệ tinh (Cors) trên toàn lãnh thổ Việt Nam cung cấp dịch vụ định vị chính xác cho các hoạt động kinh tế, xã hội, quản lý lãnh thổ, triển khai các ứng dụng thông minh, xây dựng đô thị thông minh.

Nghiên cứu lập, quản lý quy hoạch theo không gian bao gồm cả không gian ngầm và trên không; đảm bảo thuận lợi trong tiếp cận thông tin quy hoạch của người dân. Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên nước, môi trường, các hoạt động khai thác, sử dụng nước, quan trắc KTTV, giám sát biến đổi khí hậu. Nghiên cứu khai thác các nguồn năng lượng mới như địa nhiệt, khí đá phiến, khí hóa than, năng lượng biển,...

Triển khai ứng dụng công nghệ viễn thám trong công tác điều tra cơ bản về tài nguyên, phát triển nông nghiệp, quản lý, lập quy hoạch, giám sát nguồn nước xuyên biên giới, biến động diện tích đất rừng, biển, hải đảo, các khu vực có nguy cơ sạt lở, ô nhiễm môi trường

2.3. Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới nghiên cứu khoa học, hợp tác hội nhập quốc tế sâu rộng

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của Ngành tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giản biên chế trên cơ sở triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; phấn đấu năm 2021 đạt tỷ lệ tinh giản biên chế so với năm 2015 là 10%; hoàn thiện quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2030; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chế độ tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ngành.

Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức gắn với việc thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động số 444-KH/BCSĐTNTMT ngày 14/11/2018 của Ban Cán sự đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; tập trung nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản lý, điều hành cho đội ngũ công chức, viên chức, người lao động nhằm xây dựng đội ngũ công chức, viên chức, người lao động chuyên sâu, chuyên nghiệp, có phẩm chất và bản lĩnh chính trị vững vàng, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và yêu cầu công tác trong tình hình mới; thực hiện có hiệu quả việc luân chuyển, sắp xếp, bố trí đội ngũ công chức, viên chức gắn với việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình kiện toàn tổ chức bộ máy.

Hoàn thành mục tiêu cụ thể thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường đã đề ra tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về

tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021: nâng xếp hạng chỉ số Đăng ký tài sản (A7) lên từ 10-15 bậc; nâng xếp hạng Chỉ số chất lượng quản lý hành chính đất đai (B3) lên từ 5-7 bậc.

Tích cực đẩy mạnh hoạt động cải cách thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính. Tập trung thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số quy định và cắt giảm ít nhất 20% chi phí tuân thủ trong xây dựng, trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025.

Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu nâng cao Chỉ số đánh giá của Liên Hợp quốc về phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam và tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia bao gồm: (i) Nhóm dịch vụ liên quan đến thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép liên quan đến môi trường; (ii) Cấp giấy chứng nhận và đăng ký biến động quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; (iii) Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, qua đó nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Thực hiện mục tiêu cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 đối với 80% thủ tục hành chính của Bộ. Số hóa các báo cáo, chỉ tiêu thống kê được tích hợp, kết nối phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Bộ, ngành; kết nối, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ phục vụ chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện đấu thầu đặt hàng trong nghiên cứu khoa học, đảm bảo hiệu quả thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đặt ra của ngành. Ứng dụng công nghệ thông tin, internet kết nối vạn vật trong quản lý tài nguyên và môi trường. Ứng dụng rộng rãi công nghệ xử lý chất thải rắn theo hình thức đốt rác phát điện, kết hợp thu hồi năng lượng, xây dựng nền kinh tế tuần hoàn. Đẩy mạnh phát triển công nghệ sinh học trong khôi phục, bảo tồn và phát triển hệ sinh thái tự nhiên.

Chủ động hợp tác và hội nhập, đặc biệt là về khoa học và công nghệ, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và vận động, thu hút, thực hiện và quản lý có hiệu quả nguồn hỗ trợ nước ngoài phục vụ cho công tác quản lý nhà nước của ngành. Tăng cường vai trò và tiếng nói của Việt Nam trong các khuôn khổ hợp tác quốc tế và trên diễn đàn quốc tế liên quan đến các lĩnh vực; thúc đẩy, mở rộng các diễn đàn đối thoại chính sách, tham vấn các nhà đầu tư, tài trợ, phục vụ trao đổi thông tin pháp luật về tài nguyên và môi trường.

2.4. Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo, giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc từ thực tiễn

Tăng cường sự phối hợp giữa Trung ương và địa phương trong thực thi và hoàn thiện chính sách pháp luật. Thiết lập hệ thống theo dõi đánh giá việc quản lý

sử dụng tài nguyên; thực hiện đánh giá xếp hạng chỉ số bảo vệ môi trường cấp tỉnh.

Đổi mới công tác thanh tra, tổ chức lực lượng thanh tra theo vùng để nắm bắt và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật. Đa dạng hoá các kênh thông tin để tiếp nhận phản ánh kiến nghị. Tăng cường tính chủ động, kịp thời trong kiểm tra, khảo sát, xác minh, xử lý các vụ việc nóng, vấn đề môi trường phát sinh. Chuyển hoạt động thanh tra kiểm tra từ tiền kiểm sang hậu kiểm; tăng cường thanh tra đột xuất để giải quyết tình trạng những nhiễu, hành dân gây bức xúc trong dư luận, các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Tập trung triển khai công tác thanh tra đối với dự án được giao đất nhưng chậm đưa vào sử dụng, đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường; tổ chức được giao đất, cho thuê đất có nguồn gốc đất công; việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng; việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với 17 loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường do địa phương phê duyệt ĐTM, các cơ sở chăn nuôi, các nguồn xả thải lớn; hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; việc quản lý, sử dụng các mỏ khoáng sản đã hết hạn khai thác theo giấy phép; việc xả nước thải vào nguồn nước. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở từng cấp; giải quyết các vụ việc khiếu kiện tồn đọng, kéo dài.

3. Nhiệm vụ từng lĩnh vực quản lý chuyên ngành

3.1. Phân bổ hợp lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, huy động tốt nhất nguồn lực từ đất để phát triển đất nước; bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, của người sử dụng đất và của nhà đầu tư

Tập trung tổng kết Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI xác định các vấn đề cần làm sáng tỏ về mặt lý luận, thực tiễn; nghiên cứu chính sách, mô hình quản trị nhất là về quy hoạch, giá đất, cơ chế giải quyết khiếu nại và thi hành Luật đất đai, để sửa đổi toàn diện Luật đất đai. Xây dựng chiến lược sử dụng đất quốc gia đến năm 2045; lập Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở cho việc hoạch định các chính sách lớn về đất đai, đồng thời quản lý, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên đất đai. Thực hiện liên thông thủ tục, cung cấp dịch vụ công về cấp giấy đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trên cổng dịch vụ công quốc gia.

Tiếp tục đẩy mạnh việc cấp Giấy chứng nhận đối với diện tích còn lại cần phải cấp giấy chứng nhận lần đầu. Nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai, chỉ số “đăng ký đất đai” và “chất lượng quản lý hành chính đất đai”.

Đề xuất giải pháp và chỉ đạo tổ chức thực hiện để hoàn thành dứt điểm việc rà soát, đo đạc, cắm mốc giới, giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận cho các công ty nông, lâm nghiệp đối với phần đất giữ lại. Triển khai có hiệu quả Đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh. Khẩn trương Tổ chức kiểm tra việc chuyển đổi đất rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; thanh tra việc chuyển đổi mục

đích sử dụng đất từ đất sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp cổ phần hóa sang kinh doanh đất, xây dựng nhà ở giai đoạn 2011 — 2017 và báo cáo Quốc hội theo Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17 tháng 1 năm 2020 về Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIV. Hoàn thành việc báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện Nghị quyết số 112/2015/QH13 ngày 27/11/2015 về tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, Ban quản lý rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác sử dụng. Triển khai Đề án Hoàn chỉnh việc đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận cho các huyện biên giới.

Nâng cao năng lực cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, thiết bị, công nghệ, củng cố và hiện đại hóa công tác quản lý đất đai; tiếp tục nỗ lực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành, phấn đấu hoàn thành mục tiêu và các nhiệm vụ đã được đề ra tại các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, đặc biệt là Nghị quyết số 82/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai tại đô thị.

3.2. Tập trung triển khai các giải pháp nhằm tăng cường quản lý, bảo vệ khai thác bền vững tài nguyên nước, đảm bảo an ninh nguồn nước

Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các lưu vực sông, nguồn nước liên tỉnh. Xây dựng và thực hiện đề án đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia; Đề án tổng Kiểm kê tài nguyên nước quốc gia giai đoạn đến năm 2025; Đề án Điều tra, đánh giá lập bản đồ tài nguyên nước tỷ lệ 1:100.000 lãnh thổ Việt Nam và Quy hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước. Kiểm soát hoạt động khai thác, sử dụng nước, bảo đảm an ninh nguồn nước trong điều kiện biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn. Hoàn thành hệ thống theo dõi, giám sát việc khai thác sử dụng và xả nước thải vào nguồn nước trên phạm vi toàn quốc; theo dõi, đánh giá, dự báo tình hình suy thoái, cạn kiệt, xâm nhập mặn nguồn nước; thực hiện các giải pháp phòng, chống khô hạn, xâm nhập mặn, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, trước mắt ưu tiên những vùng bị ảnh hưởng nặng. Kiểm soát chặt chẽ việc vận hành các quy trình sử dụng nước liên hồ chứa phục vụ đa mục tiêu điều tiết cắt lũ, chống hạn, cung cấp điện năng. Điều hoà, phân bổ nguồn nước cho các mục đích sử dụng nước bằng công cụ quan trắc, giám sát tự động trên cơ sở các quy hoạch và hạn ngạch cấp phép khai thác sử dụng nguồn nước.

Đẩy nhanh tiến độ việc lập và cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước; rà soát, kiểm tra, đôn đốc việc xác định, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt và các hoạt động trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; công bố danh mục nguồn nước nội tỉnh. Đề xuất các chủ trương, giải pháp, đối sách để thúc đẩy cơ chế chia sẻ, giải quyết tranh chấp, xung đột tài nguyên nước xuyên biên giới theo các quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho các mục đích phi giao thông

thủy và thông lệ quốc tế; trước mắt là cơ chế chia sẻ thông tin trong vận hành điều tiết nguồn nước; chủ động tham mưu chủ trương, đối sách của Việt Nam trong các khuôn khổ hợp tác Mê Công, Mê Công - Lan Thương.

3.3. Phát huy giá trị địa chất, nguồn lực khoáng sản cho phát triển kinh tế đất nước

Hoàn thiện thể chế, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược khoáng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tập trung xây dựng Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021-3030, tầm nhìn đến 2050. Tổ chức điều tra, đánh giá đầy đủ, thực chất tiềm năng tài nguyên khoáng sản, nhất là khoáng sản ẩn sâu; Điều tra, đánh giá đặc điểm cấu trúc địa chất, địa chất công trình, đề xuất các giải pháp khai thác, sử dụng nhất là tại các đô thị để quy hoạch phát triển công trình ngầm, phát hiện các giá trị địa chất đặc trưng để bảo tồn, phục vụ phát triển du lịch. Nghiên cứu dự báo các nguy cơ tai biến địa chất như sạt lở, sụt lún, động đất, giải pháp khai thác năng lượng từ bể than sông Hồng bằng phương pháp khí hoá.

Thực hiện thống kê, kiểm kê tài nguyên khoáng sản trên phạm vi toàn quốc (đến hết năm 2020) để xây dựng chiến lược, quy hoạch thăm dò, khai thác trong giai đoạn mới và hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế; áp dụng phương pháp tiên tiến trong quản trị tài nguyên khoáng sản; tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động khoáng sản; đẩy mạnh thực hiện cấp phép hoạt động khoáng sản thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tính tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước. Quản lý chặt chẽ và xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản, cát, sỏi lòng sông. Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương ngăn chặn có hiệu quả tình trạng khai thác cát, sỏi trái phép; nghiên cứu các giải pháp phòng chống sạt lở bờ sông, ven biển.

3.4. Triển khai chiến lược phát triển kinh tế biển, tăng cường điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về biển vì sự phát triển bền vững 2021- 2030

Cùng với thế giới bước vào thập kỷ phát triển về khoa học biển vì sự phát triển bền vững 2021- 2030, toàn ngành tập trung các nguồn lực để triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Rà soát, đánh giá tổng thể hệ thống chính sách, pháp luật về biển và hải đảo. Sơ kết việc thi hành và nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; xây dựng bộ tiêu chí, chỉ tiêu thống kê quốc gia về quản lý vùng biển cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển theo chuẩn mực quốc tế. Tập trung thực hiện nhiệm vụ lập Quy hoạch không gian biển quốc gia; nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

Tăng cường các hoạt động điều phối trong quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, nhất là Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, chia sẻ dữ liệu giữa các ngành và với các địa phương ven biển. Tập trung nguồn lực thực hiện Chương trình tăng cường năng lực và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ quản lý tài nguyên, môi trường biển và hải đảo Phát triển đội tàu điều tra, khảo sát, nghiên cứu biển. Phối hợp xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia về biển và hải đảo; xây dựng Đề án nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, định hướng công tác điều tra cơ bản, biển hải đảo, triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu gắn với nhu cầu phát triển kinh tế biển của địa phương. Tập trung đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển, nhất là nhân lực chất lượng cao. Triển khai Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030.

Phối hợp quản lý, bảo vệ các khu bảo tồn biển thuộc hệ thống khu bảo tồn biển Việt Nam đã được xác lập; điều tra, thu thập số liệu về đa dạng sinh học, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tại các vùng biển, ven biển, ven đảo; hoàn thiện dữ liệu các khu vực có tiềm năng làm cơ sở đề xuất thành lập mới các khu bảo tồn biển. Thực hiện các chương trình, đề án, dự án phục hồi và phát triển các hệ sinh thái san hô, thảm cỏ biển, đầm phá, bãi triều - cửa sông, rừng ngập mặn và rừng phòng hộ ven biển toàn quốc, trong đó ưu tiên các khu vực có tốc độ suy thoái nhanh.

Tham gia thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển, trọng tâm là thu hút đầu tư khai thác năng lượng biển, nuôi biển, du lịch và dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, thu hút các nguồn lực đầu tư kết nối hạ tầng khu vực ven biển, giữa các địa phương có biển và không có biển để tiếp tục phát huy tiềm năng của các vùng biển địa phương ven biển; đồng thời tận dụng sức lan tỏa cho phát triển.

3.5. Tạo chuyển biến căn bản trong công tác quản lý, hành động bảo vệ môi trường, xây dựng nền kinh tế tuần hoàn

Tăng cường quản lý nhà nước về môi trường, đặc biệt là nâng cao trách nhiệm, chất lượng công tác đánh giá tác động môi trường của các dự án thủy điện, dự án tác động đến hệ sinh thái rừng phòng hộ; rà soát, hoàn thiện các quy chuẩn quốc gia về môi trường. Tăng cường kiểm soát môi trường làng nghề, các dự án, cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; xử lý ô nhiễm các lưu vực sông; quan trắc chất lượng không khí tại các đô thị lớn. Tăng cường triển khai thực hiện các biện pháp xử lý rác thải, chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế, giảm thiểu chôn lấp rác thải.

Chuẩn bị các điều kiện, nguồn lực cần thiết cho triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 để các quy định mới của Luật đi vào thực tiễn cuộc sống. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần tập trung xây dựng và ban hành các quy định, cơ chế, chính sách đã được Luật giao như: cơ chế khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp; ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải.

Tập trung triển khai thực hiện tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong thực thi bảo vệ môi trường, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường trong thu hút các dự án đầu tư, phù hợp với sức chịu tải của môi trường. Tập trung quản lý môi trường các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề; rà soát kiên quyết yêu cầu phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đối tượng có quy mô xả thải lớn, lắp đặt hệ thống thiết bị kiểm soát, giám sát hoạt động xả thải; áp dụng chế tài để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường thực hiện lộ trình chuyển đổi công nghệ. Thúc đẩy các cơ chế khuyến khích ưu đãi về đất đai, thuế, lãi suất cho phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, ít phát thải,... Phát triển công nghiệp môi trường, dịch vụ BVMT và tái chế chất thải. Thu hút đầu tư các khu tái chế, xử lý chất thải có tính liên vùng để nâng hiệu quả đầu tư, xử lý đồng bộ với công nghệ đảm bảo các tiêu chuẩn. Hình thành thị trường trao đổi sản phẩm phụ, sản phẩm thải bỏ để kết nối chuỗi giữa thải bỏ - tái chế - tái sử dụng để rác thải, chất thải trở thành tài nguyên thứ cấp trong hệ thống vòng kín của chu trình sản xuất mới. Thúc đẩy phát triển một số đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất theo mô hình tuần hoàn, ít phát thải.

Triển khai xây dựng hệ thống quan trắc về môi trường. Đẩy mạnh thực hiện các chương trình, kế hoạch khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường, kiểm kê, kiểm soát, di dời các nguồn ô nhiễm, nâng cao quy chuẩn khí thải từ phương tiện giao thông; đảm bảo quy chuẩn quy hoạch cây xanh, không gian công cộng trong các đô thị, khu dân cư, nhất là các thành phố lớn. Đẩy nhanh tiến độ triển khai chương trình cải thiện môi trường lưu vực sông,... Phân vùng các khu vực bảo vệ môi trường đảm bảo chất lượng nguồn nước sinh hoạt. Bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái đặc hữu, mở rộng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ cảnh quan, sinh thái, di sản thiên nhiên.

3.6. Đổi mới công tác dự báo, đa dạng hoá sản phẩm khí tượng thủy văn phục vụ phát triển KT-XH, phòng chống thiên tai

Tăng cường hiện đại hóa, đổi mới nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (KTTV). Xây dựng Chiến lược phát triển ngành KTTV đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tập trung các nguồn lực nhà nước, huy động nguồn lực xã hội, hiện đại hóa, tăng dày mạng lưới quan trắc KTTV, hệ thống ra đa thời tiết, hệ thống đo mưa,... nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo. Theo dõi, giám sát thời tiết, thiên tai khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo sớm đảm bảo kịp thời, đủ độ tin cậy. Tích hợp bản đồ phân vùng tai biến địa chất, trượt lở với dữ liệu KTTV, lớp phủ thực vật để phân vùng, cảnh báo nguy cơ thiên tai lũ ống, lũ quét, sạt lở đủ độ chi tiết. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định về cấp độ rủi ro thiên tai phù hợp với đặc điểm thiên tai, điều kiện từng vùng miền.

Thực hiện xã hội hóa trong cung cấp dịch vụ dự báo KTTV. Tăng cường truyền thông và nhận thức cộng đồng, ứng dụng công nghệ, xây dựng các mô hình, phương thức hiệu quả để truyền tin, cảnh báo thiên tai.

3.7. Tập trung nghiên cứu các giải pháp tổng thể ứng phó với biến đổi khí hậu

Chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại thiên tai, nhất là khu vực miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên; chủ động phòng, chống triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ và các thành phố ven biển khác.

Tiếp tục nghiên cứu đề xuất kế hoạch, giải pháp tổng thể ứng phó với biến đổi khí hậu của các vùng chịu rủi ro thiên tai, tăng cường điều phối liên vùng, thực hiện chuyển đổi sản xuất quy mô lớn dựa vào điều kiện tự nhiên; nghiên cứu xây dựng chương trình, giải pháp tổng thể để phát triển bền vững, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu để trình Chính phủ ban hành Nghị quyết phát triển bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu cho khu vực Tây Bắc, khu vực Duyên hải và Tây nguyên của các vùng chịu rủi ro thiên tai. Cập nhật Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu cho giai đoạn mới; lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của quốc gia, từng địa phương.

Thực hiện vai trò điều phối trong triển khai Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu thích ứng với biến đổi khí hậu. Chủ động giám sát, ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, triển khai Đề án phát triển thị trường carbon tại Việt Nam, chương trình Hỗ trợ thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC). Hình thành các điều kiện cơ bản cho phát triển nền kinh tế xanh, ít chất thải, các bon thấp, kinh tế tuần hoàn. Nâng cao sức chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu của nền kinh tế thông qua nghiên cứu, dự báo các tác động để chủ động chuyển dịch quy mô lớn phù hợp với điều kiện tự nhiên và xu thế biến đổi của từng vùng. Đẩy mạnh huy động nguồn lực cho hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.

3.8. Đẩy mạnh các hoạt động đo đạc, bản đồ, phân giới cắm mốc lãnh thổ, quản lý không gian lãnh thổ bằng công nghệ viễn thám

Tiếp tục phối hợp với Bộ Ngoại giao chuẩn bị hồ sơ, tài liệu tham gia đàm phán và phân giới cắm mốc 16% còn lại trên tuyến biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia; phối hợp kiểm tra kỹ thuật song phương trên toàn tuyến biên giới theo Nghị định thư phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc; thực hiện công tác quản lý biên giới và thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu và thành lập bộ bản đồ chuẩn trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Lào.

Bổ sung và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình quốc gia ở các tỷ lệ; đẩy nhanh tiến độ thực hiện hoàn thiện, hiện đại hóa hệ độ cao quốc gia đáp ứng các yêu cầu quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, địa phương hực vụ quản lý lãnh thổ, phục vụ quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và các nhu cầu khác của xã hội. Triển khai xây dựng các quy định quy định về công tác kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo trong lĩnh vực đo đạc bản đồ phù hợp với sự phát triển của công nghệ và nhu cầu của xã hội.

Phối hợp với Bộ Ngoại giao tham gia đàm phán các vấn đề trên Biển. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ: giám sát một số vùng biển, đảo trọng điểm xa bờ bằng công nghệ viễn thám phục vụ phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng. Cập nhật dữ liệu viễn thám quốc gia và siêu dữ liệu viễn thám quốc gia phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội. Phát triển hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám bao gồm phát triển trạm thu.

4. Danh mục các nhiệm vụ chủ yếu triển khai năm 2021

Danh mục các nhiệm vụ chủ yếu thực hiện Chương trình hành động, gồm:

- Phụ lục 01: Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật ngành tài nguyên và môi trường ban hành năm 2021.
- Phụ lục 02: Danh mục các nhiệm vụ chủ yếu thực hiện năm 2021.
- Phụ lục 03: Danh mục Nhiệm vụ thực hiện cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Lãnh đạo Bộ theo lĩnh vực công tác, địa bàn được phân công chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình này.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng Chương trình công tác năm 2021 của đơn vị nhằm cụ thể hoá, cập nhật thường xuyên các nhiệm vụ phát sinh và có kế hoạch triển khai hiệu quả từng nhiệm vụ trong Chương trình hành động này, trong đó phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cán bộ đầu mối, ban hành trước ngày 25 tháng 01 năm 2021 và gửi về Bộ qua Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính để theo dõi đôn đốc.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng về việc chất lượng và tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình này; chủ động xử lý, phối hợp xử lý theo thẩm quyền, hoặc đề xuất với Bộ xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

c) Báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động hàng quý trước ngày 15 của tháng cuối quý gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính để phục vụ Bộ trưởng tham dự các phiên họp Chính phủ.

3. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Trên cơ sở kế hoạch, chương trình hành động của địa phương và Chương trình hành động này, xây dựng Chương trình công tác năm 2021 của ngành tài nguyên và môi trường tại địa phương; lựa chọn một số nội dung, chủ đề, mô hình để đề xuất với Ủy ban các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí ngân sách địa phương thực hiện và báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Tăng cường công tác truyền thông, trao đổi, học tập kinh nghiệm của các địa phương để phát huy, nhân rộng các mô hình tốt về quản lý tài nguyên và môi trường; chủ động tham mưu với Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về các giải pháp đột phá trong công tác nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động hàng quý trước ngày 15 của tháng cuối quý, trong đó lưu ý kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ và các mô hình điểm gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch-Tài chính để tổng hợp.

d) Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao đề xuất các giải pháp chỉ đạo điều hành của Chính phủ và của Bộ gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính trước ngày 15 tháng 11 năm 2021 để tổng hợp.

4. Vụ Thi đua và Khen thưởng và tuyên truyền phối hợp Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi trường, Báo Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan tổ chức phổ biến, tuyên truyền về nội dung và kết quả thực hiện Chương trình hành động này.

5. Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ định kỳ 6 tháng/lần tổ chức Hội nghị của Bộ trưởng với Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường theo từng nội dung chuyên đề; tiếp tục hoàn thiện phần mềm tra cứu nhanh văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường đáp ứng nhu cầu tra cứu của các đơn vị trực thuộc Bộ, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, doanh nghiệp và người dân.

6. Giao Tổ Công tác được thành lập theo Quyết định số 2016/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 9 năm 2016 có trách nhiệm giúp Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình hành động này.

7. Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp định kỳ báo cáo Bộ trưởng và các cơ quan chức năng theo quy định./.



Trần Hồng Hà

Phụ lục số 01

CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRÌNH CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM 2021

TT	Tên văn bản	Đơn vị chịu trách nhiệm		Thời gian trình Bộ trưởng	Thời gian trình CP, TTg
		Đơn vị chủ trì soạn thảo	Cho ý kiến trước khi trình Bộ trưởng		
I	Lĩnh vực đất đai				
1	Nghị định quy định chi tiết việc thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng, trong quản lý, xây dựng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Pháp chế	01/2021	01/2021
II	Lĩnh vực môi trường				
2	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế	8/2021	9/2021
III	Lĩnh vực khí tượng thủy văn				
3	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về cấp độ rủi ro thiên tai, dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai.	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Vụ Pháp chế	02/2021	3/2021
IV	Lĩnh vực biến đổi khí hậu				
4	Nghị định quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô dôn.	Cục Biến đổi khí hậu	Vụ Pháp chế	8/2021	9/2021
5	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính	Cục Biến đổi khí hậu	Vụ Pháp chế	9/2021	10/2021
V	Lĩnh vực biển và hải đảo				

TT	Tên văn bản	Đơn vị chịu trách nhiệm		Thời gian trình Bộ trưởng	Thời gian trình CP, TTg
		Đơn vị chủ trì soạn thảo	Cho ý kiến trước khi trình Bộ trưởng		
6	Nghị định quy định về chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển và tài sản gắn liền với khu vực biển được giao để nuôi trồng thủy sản; việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi khu vực biển đã được giao để nuôi trồng thủy sản vì mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Vụ Pháp chế	5/2021	6/2021
VI	Lĩnh vực đo đạc, bản đồ				
7	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Vụ Pháp chế	7/2021	8/2021

2. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA BỘ NĂM 2021

TT	Tên văn bản	Đơn vị chịu trách nhiệm			Thời gian		
		Đơn vị soạn thảo	Đơn vị trình	Đơn vị thẩm định	Thẩm định	Trình	Ban hành
I	Lĩnh vực đất đai						
1	Thông tư quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.	Tổng cục Quản lý đất đai	Tổng cục Quản lý đất đai	- Vụ Khoa học và Công nghệ; Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Vụ Pháp chế.	4/2021	5/2021	6/2021
II	Lĩnh vực môi trường						
2	Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế	8/2021	9/2021	10/2021
3	Thông tư quy định kỹ thuật quan trắc môi trường	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Môi trường	- Vụ Khoa học và Công nghệ;	01/2021	02/2021	3/2021

TT	Tên văn bản	Đơn vị chịu trách nhiệm			Thời gian		
		Đơn vị soạn thảo	Đơn vị trình	Đơn vị thẩm định	Thẩm định	Trình	Ban hành
				- Vụ Pháp chế.			
III	Lĩnh vực địa chất, khoáng sản						
4	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 61/2014/TTLT-BTNMT- BKHĐT- BTC ngày 14/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục góp vốn, quản lý vốn góp của tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Vụ Pháp chế.	8/2021	9/2021	10/2021
IV	Lĩnh vực tài nguyên nước						
5	Thông tư quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.	Cục Quản lý tài nguyên nước.	Cục Quản lý tài nguyên nước.	Vụ Pháp chế.	7/2021	8/2021	9/2021
V	Lĩnh vực khí tượng thủy văn						
6	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc hải văn.	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Tổng cục Khí tượng thủy văn	- Vụ Khoa học và Công nghệ; Vụ Pháp chế.	4/2021	5/2021	6/2021
7	Thông tư quy định kỹ thuật xây dựng mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ.	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Tổng cục Khí tượng thủy văn	- Vụ Khoa học và Công nghệ; Vụ Pháp chế.	6/2021	7/2021	8/2021
VI	Lĩnh vực biến đổi khí hậu						
8	Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó biến đổi khí hậu	Cục Biến đổi khí hậu	Cục Biến đổi khí hậu	Vụ Pháp chế.	8/2021	9/2021	10/2021

TT	Tên văn bản	Đơn vị chịu trách nhiệm			Thời gian		
		Đơn vị soạn thảo	Đơn vị trình	Đơn vị thẩm định	Thẩm định	Trình	Ban hành
VII	Lĩnh vực đo đạc và bản đồ						
9	Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lâm Đồng	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Vụ Pháp chế	02/2021	3/2021	4/2021
10	Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế-xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Gia Lai	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Vụ Pháp chế	3/2021	4/2021	5/2021
11	Thông tư quy định kỹ thuật về thu nhận và xử lý dữ liệu ảnh số bằng tàu bay không người lái phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 và bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, 1:1.000	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	- Vụ Khoa học và Công nghệ; Vụ Pháp chế	4/2021	5/2021	6/2021
12	Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế-xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Kon Tum	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Vụ Pháp chế	4/2021	5/2021	6/2021
13	Thông tư ban hành định mức kinh tế kỹ thuật lưới trọng lực quốc gia	- Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ. - Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	- Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ. - Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	- Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Vụ Pháp chế.	8/2021	9/2021	10/2021
VIII	Lĩnh vực khác						

TT	Tên văn bản	Đơn vị chịu trách nhiệm			Thời gian		
		Đơn vị soạn thảo	Đơn vị trình	Đơn vị thẩm định	Thẩm định	Trình	Ban hành
14	Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Vụ Tổ chức cán bộ	Vụ Pháp chế	Vụ Pháp chế	3/2021	4/2021	5/2021
15	Thông tư quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Vụ Pháp chế	Vụ Pháp chế	Hội đồng tư vấn thẩm định	6/2021	7/2021	8/2021

Phụ lục số 02**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU THỰC HIỆN NĂM 2021***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

STT	Tên đề án	Cấp trình		Thời gian trình	Căn cứ, sự cần thiết xây dựng đề án
		Chính phủ	TTgCP		
I. Lĩnh vực Đất đai					
1	Tổng kết Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI	x		2021	Quyết định những chủ trương lớn của Đảng về chính sách quản lý đất đai, định hướng lớn cho việc sửa đổi Luật đất đai
2	Dự án Tổng kết thi hành Luật Đất đai và xây dựng Dự án Luật Đất đai (sửa đổi)		x	11/2021	Theo Quyết định số 1188/QĐ-TTg ngày 04 tháng 08 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ
II. Lĩnh vực môi trường					
3	Chiến lược quốc gia về Đa dạng sinh học giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2040		x	Tháng 10	Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 ngành tài nguyên và môi trường
4	Đề án kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2040		x	Tháng 10	Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ
5	Kế hoạch hành động quốc gia về Bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030		x	Tháng 5	Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ về Bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước
III. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản					
6	Chiến lược khoáng sản giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050		x	2021	Điều 3, Điều 9 Luật Khoáng sản năm 2010; Công văn số 1157/TTg-CN ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ
7	Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-TW ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến		x	2021	Luật Khoáng sản năm 2010; Công văn số 1157/TTg-CN ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài nguyên

STT	Tên đề án	Cấp trình		Thời gian trình	Căn cứ, sự cần thiết xây dựng đề án
		Chính phủ	TTgCP		
	lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; xây dựng dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 02/NQ-TW				và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương lập báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25 tháng 4 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 02-NQ/TW
IV. Lĩnh vực biển và hải đảo					
8	Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045		x	Tháng 11	Điều 9 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo
9	Đề án Việt Nam chủ động tham gia đàm phán và xây dựng Thỏa thuận toàn cầu về chống rác thải nhựa đại dương		x	Tháng 6	Nghị quyết số 26/NQ-CP của Chính phủ Ban hành Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám BCH Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
10	Đề án thành lập Giải thưởng Việt Nam về biển và đại dương		x	Tháng 11	Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW
V. Lĩnh vực Khí tượng thủy văn					
11	Nhiệm vụ lập Quy hoạch mạng lưới trạm Khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050		x	2021	Luật Quy hoạch
12	Chiến lược phát triển ngành Khí tượng		x	Tháng 9	Chỉ thị 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng

STT	Tên đề án	Cấp trình		Thời gian trình	Căn cứ, sự cần thiết xây dựng đề án
		Chính phủ	TTgCP		
	Thủy văn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045				Chính phủ.
VI. Lĩnh vực quản lý tài nguyên nước					
13	Đề án đảm bảo an ninh nguồn nước		x	8/2021	Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 16/6/2020; Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 23/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ.
14	Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước quốc gia		x	Tháng 8	Điều 10, Luật Tài nguyên nước
15	Quy hoạch tổng hợp Lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		x	Tháng 9	Khoản 9, Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch
16	Quy hoạch tổng hợp Lưu vực sông Sê San đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		x	Tháng 9	Khoản 9, Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch
17	Quy hoạch tổng hợp Lưu vực sông Srepok đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		x	Tháng 9	Khoản 9, Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch
18	Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025		x	Tháng 10	Khoản 2, Điều 7 Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 23/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ
19	Quy hoạch Tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050		x	Tháng 12	Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12/3/2020 của Chính phủ.
20	Đề án Điều tra, đánh giá, lập bản đồ tài nguyên nước tỷ lệ 1:100.000 lãnh thổ Việt Nam	x		Tháng 11	Luật Tài nguyên nước năm 2012; Nghị quyết 08/NQ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2014; Quyết định số 182/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 63/NQCP ngày 22 tháng 7 năm 2016; Kết luận số

STT	Tên đề án	Cấp trình		Thời gian trình	Căn cứ, sự cần thiết xây dựng đề án
		Chính phủ	TTgCP		
					56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị.
VII. Lĩnh vực Biến đổi khí hậu					
21	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu.		x	Tháng 10	Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
22	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam.		x	Tháng 11	Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13; Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về BĐKH ban hành tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016; Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi.
23	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Hỗ trợ thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam.		x	Tháng 12	Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản 1982/VPCP-QHQT ngày 24/7/2020 về việc phê duyệt nội dung Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) cập nhật của Việt Nam gửi Ban Thư ký Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.

Phụ lục 03
DANH MỤC NHIỆM VỤ CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH,
NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC GIA NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì thực hiện	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
1	Tiếp tục rà soát, cắt giảm và kiểm soát việc quy định điều kiện đầu tư kinh doanh và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.	- Vụ Pháp chế; - Các Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ.	Các điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường được kiểm soát trong các văn bản quy phạm pháp luật.	Thường xuyên.
2	Tổng kết thi hành Luật Đất đai năm 2013 và xây dựng Dự án Luật Đất đai (sửa đổi) để giải quyết các bất cập do quy định chưa cụ thể, chồng chéo, mâu thuẫn về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng	Tổng cục Quản lý đất đai	Báo cáo tổng kết thi hành Luật Đất đai năm 2013.	Năm 2021
3	Thực hiện tích hợp các văn bản quy phạm pháp luật tài nguyên và môi trường để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch	- Vụ Pháp chế; - Các Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ.	Phương án tích hợp các văn bản quy phạm pháp luật tài nguyên và môi trường để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch	Năm 2021
4	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ	- Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường. - Các đơn vị trực	Sản phẩm theo Kế hoạch của Bộ đã phê duyệt triển khai Quyết định số 1254/QĐ-TTg	Theo Kế hoạch triển khai Quyết định số 1254/QĐ-TTg

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì thực hiện	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		thuộc Bộ.		
5	Tiếp tục đẩy mạnh việc cung cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	- Văn phòng Bộ; Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường; - Các đơn vị trực thuộc Bộ được giao tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.	80% thủ tục hành chính thực hiện trên môi trường mạng (dịch vụ công mức độ 4).	Năm 2021
6	Tiếp tục đẩy mạnh phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích	Văn phòng Bộ và các đơn vị trực tiếp tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	Thủ tục hành chính được trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.	Năm 2021
7	Chủ động tạo điều kiện hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, khắc phục các tác động tiêu cực của dịch bệnh COVID-19	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Đổi mới phương pháp làm việc theo tinh thần phục vụ; nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và thi hành pháp luật; đơn giản hoá các điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường tạo điều kiện thông thoáng cho người dân, doanh nghiệp	